



HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM

ThS. TRẦN THẾ LỮ - Đại học Công đoàn *

Trong việc thực hiện cơ chế tài chính đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, vấn đề nổi lên là mặc dù Nghị định số 16/2015/NĐ-CP đã xác định rõ mục tiêu đổi mới toàn diện các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính nhưng nhiều cơ sở giáo dục hiện nay vẫn còn lúng túng trong thực thi. Thực tế cho thấy, đang có nhiều yếu tố tác động, kìm hãm hoạt động của các trường tự chủ, trong đó, tồn tại lớn nhất là sức ỳ, thói quen quản lý theo lối mòn cũ và nhiều quy định, quy chế chưa theo kịp thực tiễn đổi mới.

Từ khóa: Giáo dục nghề nghiệp, nguồn tài chính, cơ chế tự chủ

MOBILIZING FINANCIAL RESOURCES FOR PUBLIC VOCATIONAL EDUCATION IN VIETNAM

In implementing the financial mechanism for public vocational training organizations, the most important issue is the fact that many schools are facing difficulties in implementing the Decree 16/2015/ND-CP. Practice shows that there are many factors affecting and preventing the autonomy of the schools, among which the stagnancy and dogmatism in management of the former mechanism and irrelevant regulations are considered the most serious factors.

Keywords: Vocational education, financial source, autonomy

Ngày nhận bài: 11/4/2018

Ngày hoàn thiện biên tập: 26/4/2018

Ngày duyệt đăng: 2/5/2018

Chất lượng giáo dục với yêu cầu phát triển và hội nhập

Những năm qua, hệ thống cơ sở dạy nghề, các trường trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng ở nước ta đã có những bước phát triển về quy mô, từng bước đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Theo báo cáo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), cả nước hiện có 1.989 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN), trong đó có 1.337 cơ sở công lập, chiếm 67%, gồm 331 trường cao đẳng, 350 trường trung cấp và 656 trung tâm. Số lượng nhà giáo và cán bộ quản lý trong các cơ sở GDNN là 91.555 người, trong đó các cơ sở GDNN

công lập là 71.771 người, chiếm 78%. Chất lượng và hiệu quả đào tạo GDNN đã có những chuyển biến tích cực, đào tạo từng bước chuyển từ hướng “cung” sang hướng “cầu”, gắn với dự báo nguồn nhân lực, dự báo về việc làm, yêu cầu của doanh nghiệp (DN), đặc biệt là khối DN FDI, các DN đòi hỏi lao động trực tiếp tay nghề cao ở các lĩnh vực công nghệ tiên tiến...

Theo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ LĐTBXH), sau hơn 1 năm đi vào thực hiện thí điểm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế tự chủ, các cơ sở GDNN đã có những chuyển biến tích cực. Về thực hiện nhiệm vụ, các cơ sở đã chủ động hơn trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế và hợp tác với DN. Về tổ chức nhân sự, các cơ sở GDNN đã từng bước thực hiện rà soát lại toàn bộ cơ cấu và tổ chức biên chế, thuận lợi cho việc điều hành và nắm bắt các cơ hội phát triển. Về tài chính, nguồn thu sự nghiệp từ học phí và hoạt động sản xuất - kinh doanh dịch vụ được tăng cường, thu nhập của cán bộ, giáo viên được cải thiện. Thực hiện quyền và nghĩa vụ tự chủ tài chính, nhiều trường đã chủ động khai thác nguồn thu sự nghiệp, tăng cường các hoạt động dịch vụ, liên kết đào tạo cho DN gắn với lao động sản xuất, thực hiện hợp đồng đào tạo, đánh giá kỹ năng nghề... sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của các cơ sở GDNN công lập cũng gặp không ít hạn chế do đứng trước một thị trường năng động và thay đổi nhanh chóng, các cơ sở GDNN chưa thay đổi theo kịp yêu cầu. Cơ cấu tuyển sinh GDNN còn



bất cập, chủ yếu vẫn là trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng (chiếm 88%). Tuyển sinh GDNN khó khăn, cơ sở vật chất, thiết bị của nhiều cơ sở GDNN chưa đáp ứng được yêu cầu; Chương trình, giáo trình đào tạo chưa thường xuyên cập nhật, bổ sung cho phù hợp; Chất lượng, hiệu quả đào tạo của nhiều cơ sở GDNN chưa gắn bó hữu cơ với nhu cầu nhân lực của từng ngành, từng địa phương; Mối quan hệ với DN còn lỏng lẻo...

Trong việc thực hiện cơ chế tài chính đối với các cơ sở GDNN công lập, vấn đề nổi lên là mặc dù Nghị định số 16/2015/NĐ-CP đã thể hiện rõ mục tiêu đổi mới toàn diện các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ

Dự báo đến năm 2025, lao động Việt Nam sẽ có sự dịch chuyển nhanh từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, trong đó chủ yếu chuyển sang dịch vụ. Giai đoạn 2016-2020 cần đào tạo giáo dục nghề nghiệp cho khoảng 12 triệu người, trong đó trình độ cao đẳng chiếm khoảng 12%, trình độ trung cấp chiếm khoảng 14,5%, trình độ sơ cấp chiếm khoảng 73%.

máy, nhân sự và tài chính nhưng nhiều trường hiện nay vẫn còn lúng túng trong thực thi. Thực tế cho thấy, có nhiều yếu tố tác động, kìm hãm hoạt động tự chủ của các trường, tập trung nhất là sức ỳ, thói quen quản lý theo lối mòn cũ và hệ thống rào cản của các quy định, quy chế chưa theo kịp thực tiễn đổi mới giáo dục đại học, cao đẳng nói chung.

Một trong những khó khăn lớn mà các cơ sở GDNN công lập gặp phải hiện nay trong thực hiện tự chủ bắt nguồn từ cơ chế, chính sách. Đơn vị chưa được giao quyền tự chủ đồng bộ về xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính. Các trường công lập được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, người đứng đầu trường là người được Nhà nước cử quản lý phần vốn, có trách nhiệm và tự chủ toàn bộ đối với phát triển hoạt động đào tạo sao cho bảo toàn và tăng thêm phần vốn.

Tuy nhiên, trong nhiều năm qua, các trường công lập không được vận hành theo đúng nghĩa này. Người đứng đầu các trường công không được toàn quyền quyết định mức học phí, đầu tư, bộ máy, bổ nhiệm, cơ chế lương thưởng... mà nguồn thu phải được thực hiện theo quy định, thu nộp vào ngân sách và phải xin ý kiến, chờ cơ quan chủ quản phê duyệt. Sự chưa rõ ràng trong quản lý nhà nước và quản lý sở hữu bó buộc nhiều trường trong việc quyết định hướng hoạt động, chương trình phát

triển. Về các nguyên nhân khách quan, các trường thuộc hệ thống GDNN cũng phải đối mặt với nhiều thách thức về quy mô tuyển sinh thấp do tâm lý người học và gia đình không muốn học nghề. Đối tượng học nghề chủ yếu là người có thu nhập thấp, nguồn thu học phí thấp, trong khi chi phí đầu tư cho cơ sở vật chất, thiết bị để dạy thực hành cao; mức học phí không đủ bù đắp chi phí đào tạo.

Trước yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, Nghị quyết số 29/NQ-TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong 5 năm tới là đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiến bộ của khoa học - công nghệ. Mặt khác, việc Việt Nam ký kết các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương thế hệ mới, đặt ra cho nước ta nhiều thách thức trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

Dự báo đến năm 2025, lao động Việt Nam sẽ có sự dịch chuyển nhanh từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, trong đó chủ yếu chuyển sang dịch vụ. Giai đoạn 2016-2020 cần đào tạo GDNN cho khoảng 12 triệu người, trong đó trình độ cao đẳng chiếm khoảng 12%, trình độ trung cấp chiếm khoảng 14,5%, trình độ sơ cấp chiếm khoảng 73%. Thực tế đang đặt ra những đòi hỏi bức thiết về việc phải đổi mới cơ bản và toàn diện, tạo sự đột phá về chất lượng đào tạo GDNN, gắn chặt chẽ với thị trường lao động, xã hội, chuyển mạnh đào tạo gắn kết với việc làm và tạo việc làm bền vững, xuất khẩu lao động, an sinh xã hội; Tạo điều kiện thu hút mọi nguồn lực của xã hội để đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; tăng cường khả năng tự chủ của các cơ sở GDNN công lập.

Giải pháp huy động nguồn tài chính cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Để thực hiện được nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp như: Đổi mới công tác quản lý GDNN; Chuẩn hóa và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN; Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN trên cơ sở dự báo nhân lực theo lĩnh vực, địa bàn quản lý theo hướng giảm đầu mối, tăng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; Các cơ sở GDNN cần đổi mới chương trình và công tác tổ chức, quản lý đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra; Tiếp tục chuẩn hóa và phát triển cơ sở vật chất



thiết bị, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị theo ngành, nghề theo chuẩn; Tăng cường gắn kết đào tạo với DN... Cụ thể:

Thứ nhất, đẩy mạnh cơ chế tự chủ để đổi mới quản lý GDNN. Cần xác định, đây là xu hướng tất yếu mang tính quy luật tự nhiên trong môi trường giáo dục toàn cầu hóa có cạnh tranh lành mạnh, có định hướng rõ ràng của Nhà nước và được đảm bảo kiểm soát chặt chẽ về chất lượng. Theo đó, tự chủ không có nghĩa là giảm chi ngân sách nhà nước (NSNN) mà là chuyển đổi phương thức đầu tư NSNN cho GDNN theo hướng hiệu quả hơn, đầu tư tập trung trọng tâm, trọng điểm. Cơ sở GDNN thực hiện tự chủ được trao quyền tự chủ toàn diện về các nội dung thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, nhân sự và tài chính. Đơn vị nâng cao được tính chủ động, sáng tạo trong xây dựng kế hoạch; tuyển sinh, đào tạo,

Đi đôi với việc trao quyền tự chủ là tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào thực hiện tốt tự chủ sẽ nâng cao chất lượng quản trị, chất lượng đào tạo và sẽ thành công trong quá trình hội nhập.

nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ, tổ chức bộ máy... Các nguồn lực tài chính được sử dụng hiệu quả hơn; thông qua hợp tác liên doanh, liên kết huy động được nhiều nguồn vốn để tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện thu nhập cho cán bộ, nhà giáo, tạo động lực để nâng cao chất lượng đào tạo. Đi đôi với việc trao quyền tự chủ là tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình. Cơ sở GDNN nào thực hiện tốt tự chủ sẽ nâng cao chất lượng quản trị, chất lượng đào tạo và sẽ thành công trong quá trình hội nhập.

Thứ hai, khẩn trương sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách để hỗ trợ, khuyến khích cho thực hiện tự chủ. Đồng thời, rà soát, tiếp tục xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật GDNN và các luật có liên quan; Sửa đổi, hoàn thiện cơ chế chính sách đồng bộ để tăng cường tính tự chủ trong hoạt động đào tạo và quản trị nhà trường nhằm tạo sự linh hoạt thích ứng với sự thay đổi của khoa học công nghệ và yêu cầu của thị trường lao động. Cần đặt ra lộ trình cụ thể hướng đến trao quyền tự chủ hoàn toàn cho các cơ sở giáo dục. Đồng thời, cần tách bạch rõ ràng giữa chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sở hữu công của các cơ quan chủ quản.

Chức năng quản lý nhà nước là quản lý tính tuân thủ pháp luật liên quan đến hoạt động đào tạo nghề

bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo nghề. Chức năng sở hữu nhà nước dừng lại ở việc quản lý bảo toàn và phát triển vốn, không can thiệp vào công tác quản trị nội bộ của trường. Ngoài ra, cần thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng như ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (quy định các ngành nghề và các đối tượng người học do NSNN đảm bảo hoặc hỗ trợ); Phát triển dịch vụ sản xuất kinh doanh gắn với đào tạo nghề nghiệp; Mở rộng đối tượng được vay tín dụng để có khả năng tài chính tham gia học tập; Xem xét hỗ trợ trong giai đoạn đầu đối với các trường về cơ sở vật chất để đủ tiêu chuẩn triển khai tự chủ tài chính hoàn toàn vào năm 2020...

Thứ ba, tăng cường gắn kết giữa nhà trường và DN; Hoàn thiện các quy định để DN là chủ thể của GDNN, được tham gia tất cả các công đoạn trong quá trình đào tạo; Tăng cường việc gắn kết giữa cơ sở GDNN và DN, trên cơ sở trách nhiệm xã hội của DN, thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình chi đào tạo “những gì thị trường cần” và hướng tới chi đào tạo “những gì thị trường sẽ cần”. Theo mô hình này, việc gắn kết giữa cơ sở GDNN với DN là yêu cầu được đặt ra; đồng thời, đẩy mạnh việc hình thành các cơ sở đào tạo trong DN để chia sẻ các nguồn lực chung: cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, rút ngắn thời gian chuyển giao từ kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ tư, cơ sở GDNN công lập cần đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu công nghệ, phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý đào tạo; Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học trong các cơ sở GDNN, gắn nghiên cứu với các hoạt động chuyển giao tại cơ sở; Tăng cường các hoạt động hợp tác đa phương, song phương trong các lĩnh vực của GDNN như nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý, quản trị nhà trường.

Tài liệu tham khảo:

1. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (năm 2010), *Kinh nghiệm của một số nước về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ gắn với xây dựng đội ngũ tri thức*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
2. TS. Nguyễn Hồng Minh, *Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và những vấn đề đặt ra đối với hệ thống GDNN Việt Nam*, (truy cập: <http://laodongxahoi.net/cuoc-cach-mang-cong-nghiep-4-0-va-nhung-van-de-dat-ra-doi-voi-he-thong-giao-duc-nghe-nghiep-1305754.html>);
3. Để các trường nghề dứt “bầu sữa” ngân sách, (truy cập: <http://www.sggp.org.vn/de-cac-truong-nghe-dut-bau-sua-ngan-sach-501523.html>);
4. Trường nghề tìm cơ hội để tự chủ (<http://nhandan.org.vn/baothoinay/baothoinay-xahoi/item/33384002-truong-nghe-tim-co-hoi-de-tu-chu.html>).